TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 6 – 2026
Về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi và bà Hồ Thị Kim Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Linh Thi– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 143/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Hoàng N, sinh năm 1988, căn cước công dân số: 087088005819. Nơi cư trú: ấp E, xã B, tỉnh Đồng Tháp, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1988, chứng minh nhân dân số: 351830321. Nơi cư trú: ấp P, xã P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2026 và lời khai của nguyên đơn anh Đặng Hoàng N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2009, anh N và chị Nguyễn Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của anh N.

Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2014, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi về những vấn đề sinh hoạt gia đình. Sau đó, chị L tự lập "Tờ tự thuận ly hôn" ngày 03/9/2014. Anh N đồng ý ly hôn nên đã ký vào văn bản này. Mỗi bên giữ một bản, chữ ký trên văn bản là do anh N và chị L tự ký. Mặc dù cha mẹ anh N đã khuyên nhủ, động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả.

Kể từ năm 2014 đến nay, anh N và chị L chính thức sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cũng không có bất kỳ sự hàn gắn tình cảm nào. Do thời gian ly thân đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung: Anh N và chị L có 01 con chung tên Đặng Phước T, sinh ngày 05/01/2010 (hiện do chị L nuôi dưỡng). Anh N đồng ý giao Liên tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị L không có ý kiến đối với yêu cầu của anh N và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lý do.

Tại phiên tòa:

Anh N và chị L đều vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ đã được Toà án thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71, của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành chưa nghiêm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q; chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị L, giao con chung Đặng Phước T, sinh ngày 05/01/2010 cho chị Liên tiếp T1 nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng cho con. Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả

tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L có địa chỉ cư trú tại xã P, tỉnh An Giang. Anh N khởi kiện xin ly hôn với chị L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – An Giang.

[1.2] Anh N khởi kiện xin ly hôn với chị L, đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Chị L vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N. Do đó, Toà án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn".

[1.3] Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án, xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được và trình bày của các đương sự thể hiện: Anh N và chị Liên kết H năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 25/5/2009. Quan hệ hôn nhân này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đúng theo quy định của Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.1.2] Toà án tiến hành xác minh bà Phan Thị C là mẹ của anh N cho biết: năm 2014 vợ chồng N và L mâu thuẫn chuyện vặt trong gia đình nên bà không khuyên bảo. Sau đó L đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống. Vài tháng sau L làm "Tờ tự thuận ly hôn" ngày 03/9/2014 mang đến nhà và yêu cầu N ký tên. Bà có khuyên vợ chồng nên hàn gắn nhưng không được. N đồng ý ký tên vào "Tờ tự thuận ly hôn" và vợ chồng không chung sống với nhau đến nay.

Xét thấy, quá trình chung sống anh N và chị L phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhiều năm không hàn gắn được. Nhiều lần Toà án triệu tập chị L tham gia hoà giải nhưng chị không đến, cho thấy chị không có thiện chí hàn gắn. Chị L và anh N không còn thương yêu, tôn trọng, chung sống với nhau. Do đó, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị L.

[2.2] Về con chung: Anh N và chị L có 01 con chung tên Đặng Phước T, sinh ngày 05/01/2010 (hiện do chị L nuôi dưỡng).

Xét thấy, từ khi cha mẹ ly thân đến nay cháu T vẫn sống ổn định cùng chị L, được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Cháu T có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của anh N về việc giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị

Liên tiếp T1 nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

Do chị L không có yêu cầu cấp dưỡng, anh N cũng có ý kiến không cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Hoàng N. Anh Đặng Hoàng N ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

2. Về con chung: Anh N và chị L có 01 con chung tên Đặng Phước T, sinh ngày 05/01/2010 (hiện do chị L nuôi dưỡng). Giao cháu Đặng Phước T cho chị L nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Đặng Hoàng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 304286 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy

định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Chi **Hồ Thị Kim Phương** **Lý Thị Rỡ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND khu vực 12- An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Ba Sao ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Rỡ